

Bản án số: 25/2025/DS- ST  
Ngày 16- 4- 2025

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chính.

Bà Vũ Thị Nét

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Hữu Thơ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nông Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2025/TLST- DS ngày 07/02/2025 về việc Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1971. Vắng mặt.

Đều địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

(ông Nguyễn Văn B ủy quyền cho bà Đỗ Thị H theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2025).

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà H và ông B đều trình bày: Vào ngày 17/3/2022 bà C có vay của vợ chồng ông, bà số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), khi vay hai bên có lập giấy thỏa thuận cho vay tiền ngày 17/3/2022, có chữ ký của bà Hoàng Thị C vào người vay, vợ chồng ông bà có ký vào người cho vay, mục đích vay để mua rừng, làm ăn phát triển kinh tế, hai bên thỏa thuận lãi theo quy

định của pháp luật nhưng chỉ thỏa thuận bằng miệng không ghi trong giấy thỏa thuận vay tiền. Sau khi vay, vợ chồng ông bà đã đưa đủ số tiền 100.000.000 đồng cho bà C và bà C đã nhận đủ số tiền trên và không có ý kiến gì. Sau khi vay xong, bà C có trả được tổng số tiền lãi là 12.000.000 đồng (06 tháng). Sau đó, đến tháng 10/2022 thì bà C không trả cho ông bà được đồng nào. Nếu hai bên không thỏa thuận được thì ông bà đề nghị Tòa án trừ số tiền 12.000.000 đồng vào tiền gốc cho bà C.

Nay ông B, bà H đề nghị Tòa án buộc bà C phải trả số tiền 88.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh từ khi vay đến khi bà C trả hết nợ và lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm.

*Bị đơn bà Hoàng Thị C trình bày:* Bà và bà H, ông B không có quan hệ họ hàng gì, chỉ có quan hệ quen biết nhau. Do thiếu tiền làm ăn chăn nuôi nên bà có vay tiền vợ chồng bà H, ông B cụ thể: Khoảng tháng 3/2022 bà có vay của vợ chồng bà H, ông B số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), mục đích vay để phát triển kinh tế làm ăn kinh doanh chăn nuôi, hai bên có thỏa thuận thời hạn trả nhưng lâu ngày nên bà không nhớ, tuy nhiên bà và vợ chồng ông B và bà H chỉ thỏa thuận bằng miệng không có giấy tờ gì. Hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng 3.000 đồng/ 01 ngày/1.000.000 đồng. Sau khi vay, bà đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng.

Đối với giấy thỏa thuận cho vay tiền ngày 17/3/2022 của bà H cung cấp đối với chữ ký của bà là không đúng, bà không ký vào giấy thỏa thuận nhưng bà xác định vay đúng số tiền 100.000.000 đồng.

Sau khi vay tiền, hàng tháng bà vẫn đóng lãi là 3.000đồng/01 ngày/1.000.000 đồng đến khoảng cuối năm 2024, có hôm bà đưa tay có hôm bà cũng lập giấy tờ.

Nay bà H, ông B khởi kiện bà đề nghị trả số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh đến ngày 15/01/2025 là 22.400.000 đồng. Bà thừa nhận có vay của bà H, ông B số tiền 100.000.000 đồng, nhưng do hiện tại làm ăn kinh tế khó khăn, bà chăn nuôi lợn nhưng do dịch bệnh đã chết hết nên bà mong muốn vợ chồng bà H, ông B tạo điều kiện để bà trả nợ dần tiền gốc. Còn đối với lãi thì do bà đã trả lãi cho bà H, ông B rất nhiều lần nên bà không đồng ý trả lãi.

Tại phiên tòa bà H, bà C vắng mặt và đã có đơn xin vắng mặt. Ông B vắng mặt và ủy quyền cho bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn B. Buộc bà Hoàng Thị C phải trả cho bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn B số tiền nợ gốc là 88.000.000 đồng, tiền lãi suất 27.133.333 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 115.133.333 đồng.

Án phí: Buộc bà Hoàng Thị C phải chịu tiền án phí DSST.

Trả lại bà Đỗ Thị H số tiền 3.100.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn là bà Hoàng Thị C có địa chỉ tại: Thôn Đ, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bà Đỗ Thị H và bà Hoàng Thị C nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Ông Nguyễn Văn B ủy quyền cho bà H. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 238 – BLTTDS.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu do phía nguyên đơn xuất trình và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 17/3/2022 bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn B cho bà Hoàng Thị C vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), khi vay hai bên đã lập biên nhận và cùng ký. Trong biên nhận có thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 17/3/2022 đến ngày 17/6/2023, lãi suất hai bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Bà Hoàng Thị C thừa nhận có nợ ông B và bà H 100.000.000 đồng, ngoài ra bà C trình bày đã trả lãi cho bà H nhiều lần với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc đã trả lãi cho bà H. Bà H và ông B đều xác nhận bà C đã trả được 12.000.000 đồng tiền lãi, tuy nhiên nay ông, bà trừ số tiền trên vào số nợ gốc, vì vậy số nợ gốc còn lại là 88.000.000 đồng. Nay bà H và ông B yêu cầu bà C phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 17/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án là 10%/1 năm. Quá trình giải quyết vụ án bà C không nhất trí trả lãi và đề nghị được trả dần số tiền 100.000.000 đồng nợ gốc, đồng thời có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được. Xét thấy, giao dịch vay tiền giữa bà H, ông B và bà C là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên; giao dịch, thỏa thuận mà các bên đã thực hiện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản, bà C đã nhận được tiền vay thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Bà H và ông B tự nguyện trừ số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng do bà C đã trả vào số tiền

nợ gốc, việc bà H và ông B trừ vào nợ gốc là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và không vượt quá yêu cầu khởi kiện, có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Vì vậy, buộc bà Hoàng Thị C phải có nghĩa vụ trả bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn B số tiền nợ gốc là 88.000.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất: Bà H và ông B yêu cầu bà C trả tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/1 năm tính từ ngày 17/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy trong biên nhận vay tiền các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất là bao nhiêu. Nay bà H và ông B yêu cầu lãi suất, cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự buộc bà C phải trả tiền lãi suất cho bà H và ông B là có căn cứ. Cụ thể:

Từ ngày 17/3/2022 đến ngày 16/4/2025 làm tròn là 37 tháng. Cụ thể:  $88.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/1 \text{ năm}$  (tương đương 733.333 đồng/ 1 tháng)  $\times 37 \text{ tháng} = 27.133.333 \text{ đồng}$ . (làm tròn là 27.133.000 đồng).

Như vậy, tổng cộng cả gốc và lãi là 88.000.000 đồng + 27.133.333 đồng = 115.133.333 đồng (làm tròn là 115.333.000 đồng). Buộc bà Hoàng Thị C trả cho bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn B là phù hợp pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn B được chấp nhận nên bà Hoàng Thị C phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật, cụ thể:  $115.133.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.756.650 \text{ đồng}$ . (làm tròn là 5.765.000 đồng).

Hoàn trả lại bà Đỗ Thị H số tiền 3.100.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí.

Đề nghị của đại diện VKS ở tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn B.

Buộc bà Hoàng Thị C phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn B số tiền nợ gốc và tiền lãi 115.133.000 đồng ( Một trăm mười lăm triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng). Trong đó nợ gốc 88.000.000 đồng, nợ lãi 27.133.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị C phải chịu 5.756.000 đồng ( *Năm triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn B số tiền 3.100.000 đồng ( *Ba triệu một trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004577 ngày 07/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- CCTHADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Văn Hợp**

